

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Mai

Thư ký phiên họp: Bà Lý Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên họp: Ông Sòng Bả Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khu vực 3 - Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số MERGEFIELD "sothuly" 127HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã (trước khi sáp nhập) theo Quyết định mở phiên họp số 02/2025/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** UBND xã N, tỉnh Sơn La Người đại diện: Ông Vì Việt C - Phó Chủ tịch, vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

1. Ông Quàng Văn M năm 1984 địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Sơn La vắng mặt.

2. Bà Cà Thị L năm 198, địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Sơn La vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 16/5/2025 và quá trình giải quyết việc dân sự người yêu cầu là UBND xã N, tỉnh Sơn La trình bày:

Vào ngày 25/11/2001 ông Quàng Văn M1, sinh: 11/12/1984 và bà Cà Thị L1 sinh ngày: 27/6/1984 có đến Ủy ban nhân dân xã N để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại thời điểm yêu cầu đăng ký kết hôn thì ông Quàng Văn M1 lúc đó mới 17 tuổi sau đó khai tăng lên 1982 để đủ điều kiện kết hôn và bà Cà Thị L1 lúc đó mới 17 tuổi sau đó khai tăng tuổi lên 1983 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn.

Từ những nội dung đó ông Quàng Văn M1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La) xem xét giải quyết ly hôn do đăng ký kết hôn trái pháp luật. Căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 về Điều kiện đăng ký kết hôn nhân gia đình và căn cứ theo quy định theo khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án thực hiện việc xử lý việc kết hôn trái pháp luật theo quy định. UBND xã N, tỉnh Sơn La đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Sơn La: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Quàng Văn M1 và bà Cà Thị L1.

Quá trình giải quyết việc dân sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quàng Văn M1 và bà Cà Thị L1 cùng trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà qua thời gian tìm hiểu, quen biết, yêu thương nhau đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Sơn La, không bên nào bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi nên ông bà đề khai tăng tuổi: ông M1 khai sinh năm 1982, bà L1 khai sinh năm 1983. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Hiện nay ông bà đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Ông bà cùng có nguyện vọng đề nghị Hủy đăng ký kết hôn giữa ông bà là trái pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Quảng Văn T, sinh ngày 15/9/2002, hiện nay cháu đã thành niên không thuộc trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

- Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu của UBND xã N, tỉnh Sơn La. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông M1 và bà L1 theo đăng ký kết hôn số 21/2001 ngày 25/11/2001 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Ông M1 và bà L1 phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Về con chung: Ông M1, bà L1 có 01 con chung là cháu Quảng Văn T, sinh ngày 15/9/2002, hiện nay cháu đã thành niên không thuộc trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí sơ thẩm: UBND xã N, tỉnh Sơn La không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Sơn La nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định yêu cầu của đương sự là việc “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật được thực hiện tại UBND xã N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã (sau sáp nhập là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Sơn La) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã N, Sơn La; ông Quảng Văn M1, bà Cà Thị L1 được Tòa án triệu tập họp lệ và đều có đề nghị xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Sơn La vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: căn cước số: 0140840011134 do Cục C1 về trật tự xã hội cấp ngày 22/01/2025 và xác nhận thông tin cư trú của ông Quảng Văn M1 thể hiện ông M1 sinh ngày 11/12/1984. Căn cước công dân số 014084001966 do Cục C1 về trật tự xã hội cấp ngày 07/02/2025 và xác nhận thông tin cư trú của bà Cà Thị L1 thể hiện bà L1 sinh ngày 27/6/1984.

Tại trích lục đăng ký kết hôn thể hiện bà Cà Thị L1, sinh ngày 14/8/1983, ông Quảng Văn M1 sinh ngày 18/10/1982. Tại thời điểm ông bà đăng ký kết hôn là ngày 25/11/2001 ông Quảng Văn M1 được 16 tuổi 11 tháng 14 ngày tuổi, chưa đủ tuổi để thực hiện đăng ký kết hôn “*Nam từ hai mươi tuổi trở lên*”, vi phạm điều kiện kết hôn tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó yêu cầu của UBND xã N, tỉnh Sơn La hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông M1 và bà L1 theo đăng ký kết hôn số 21/2001 ngày 25/11/2001 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Sơn La là có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M1, bà L1 cùng có yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông bà theo đăng ký kết hôn số 21/2001 ngày 25/11/2001 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông bà.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Quảng Văn T, sinh ngày 15/9/2002, hiện nay cháu đã thành niên, không thuộc trường hợp bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: UBND xã N, tỉnh Sơn La là tổ chức yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật nên không phải chịu lệ phí sơ thẩm theo điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Sơn La là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 3, Điều 4 và Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu UBND xã N, tỉnh Sơn La: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông M1 và bà L1 theo đăng ký kết hôn số 21/2001 ngày 25/11/2001 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.

2. Về lệ phí sơ thẩm: UBND xã N, tỉnh Sơn La không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được tổng đạt hợp lệ

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Sơn La có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 3 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Nậm Ty;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn,

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trần Thị Mai